

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH TÂY NINH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 533/QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 05 tháng 3 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố nội dung quy trình giải quyết thủ tục hành chính
thuộc thẩm quyền của Sở Xây dựng để thực hiện
tại Trung tâm Hành chính công tỉnh Tây Ninh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2223/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc chuyển giao chức năng, nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính, cải cách thủ tục hành chính, tổ chức triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2487/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Trung tâm Hành chính công tỉnh Tây Ninh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 467/TTr-SXD ngày 27 tháng 02 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này nội dung quy trình giải quyết cụ thể 35 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Sở Xây dựng để thực hiện tại Trung tâm Hành chính công tỉnh Tây Ninh.

(Có danh mục, nội dung quy trình giải quyết các TTHC kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Bãi bỏ toàn bộ danh mục và nội dung các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng được Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh công bố tại Quyết định số 1069/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2017.

Điều 3. Sở Xây dựng có trách nhiệm niêm yết công khai toàn bộ nội dung quy trình giải quyết các thủ tục hành chính tại Trung tâm Hành chính công tỉnh Tây Ninh, công khai trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, kịp thời tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh công bố sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định của pháp luật và thực hiện các thủ tục hành chính này cho cá nhân, tổ chức đúng với nội dung đã công bố tại Quyết định này.

Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm hướng dẫn cơ quan, đơn vị cập nhật đầy đủ nội dung quy trình giải quyết các thủ tục hành chính lên Cổng dịch vụ công trực tuyến và Hệ thống một cửa điện tử tập trung của tỉnh theo quy định.

Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm cập nhật nội dung quy trình giải quyết các thủ tục hành chính lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính tại địa chỉ <http://csdl.thutuchanhchinh.vn> theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Trung tâm Hành chính công tỉnh Tây Ninh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Tây Ninh và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: *đồng*

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC - VP Chính phủ;
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LDVP, KSTT;
- Lưu: VT, KSTT, VP, UBND tỉnh.

55

KT. **CHỦ TỊCH**
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Ngọc

**DANH MỤC BỘ/THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ XÂY DỰNG THỰC HIỆN TẠI TRUNG TÂM
GIÁNH CHỈNH CÔNG TỈNH TÂY NINH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 533/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)



STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Ghi chú	Trang
1	Bộ nhiệm giám định tư pháp xây dựng đối với cá nhân khác không thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng	Giám định tư pháp xây dựng	Thời gian quy định 20 ngày giám còn 19 ngày	5
2	Đăng ký công bố thông tin người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc đối với các cá nhân, tổ chức không thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng, văn phòng giám định tư pháp xây dựng trên địa bàn được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép hoạt động	Giám định tư pháp xây dựng	Thời gian quy định 30 ngày giám còn 29 ngày	10
3	Điều chỉnh, thay đổi thông tin cá nhân, tổ chức giám định tư pháp xây dựng đối với cá nhân, tổ chức do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã tiếp nhận đăng ký, công bố thông tin	Giám định tư pháp xây dựng		18
4	Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng nghiệm thu Nhà nước các công trình xây dựng, cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng và Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành	Quản lý chất lượng công trình xây dựng		21
5	Cấp/cấp lại/điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III đối với: tổ chức khảo sát xây dựng; tổ chức lập quy hoạch xây dựng; tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng; tổ chức lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng; tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng; tổ chức thi công xây dựng công trình; tổ chức giám sát thi công xây dựng; tổ chức kiểm định xây dựng; tổ chức quản lý, thẩm tra chi phí đầu tư xây dựng.	Hoạt động xây dựng	Thời gian quy định 20 ngày giám còn 19 ngày	27
6	Đăng tải/thay đổi, bổ sung thông tin năng lực của tổ chức (chỉ áp dụng cho tổ chức không thuộc	Hoạt động xây dựng	Thời gian quy định 15 ngày giám còn 14 ngày	36

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Ghi chú	Trang
	<i>đối tượng cấp chứng chỉ năng lực)</i>			
7	Thẩm định dự án dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở thiết kế cơ sở điều chỉnh (quy định tại Điểm b Khoản 2, Điểm b Khoản 3, Khoản 4, Điểm b Khoản 5 Điều 10 Nghị định 59/2015 ND-CP)(4)	Hoạt động xây dựng	 - Thời gian quy định 30 ngày thẩm định dự án dự án điều chỉnh nhóm B giám còn 29 ngày; thời gian quy định 20 ngày thẩm định TKCS TKCS điều chỉnh nhóm B giám còn 15 ngày. - Thời gian quy định 20 ngày thẩm định dự án dự án điều chỉnh nhóm C giám còn 19 ngày; thời gian quy định 15 ngày thẩm định TKCS TKCS điều chỉnh nhóm C giám còn 14 ngày	40
8	Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế ban vẽ thi công, dự toán xây dựng thiết kế ban vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước) (quy định tại Điều 5, Điều 10, Điều 13 Nghị định 59/2015 ND-CP; Điều 11 và Điều 12 Thông tư số 18/2016 TT-BXD) (5)	Hoạt động xây dựng	Thời gian quy định 20 ngày giám còn 19 ngày	48
9	Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/ thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh (quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 24, điểm b Khoản 1 Điều 25, điểm b Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 59/2015 ND-CP)(6)	Hoạt động xây dựng	Thời gian quy định 30 ngày công trình cấp II, III giám còn 28 ngày; thời gian quy định 20 các công trình còn lại giám còn 19 ngày	60
10	Cấp giấy phép xây dựng (giấy phép xây dựng mới, giấy phép sửa chữa, cải tạo, giấy phép di dời công trình) đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị (bao gồm nhà ở riêng lẻ); công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.	Hoạt động xây dựng	Thời gian cấp GPXD quy định là 30 ngày đối với công trình, 15 ngày đối với nhà ở riêng lẻ, giám còn 20 ngày đối với công trình, 10 ngày đối với nhà ở riêng lẻ	71
11	Điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên	Hoạt động xây dựng	Điều chỉnh GPXD là 20 ngày đối với công trình, 10 ngày đối với nhà ở riêng lẻ; gia	83

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Ghi chú	Trang
	các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị (bao gồm nhà ở riêng lẻ); công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Cấp/ cấp lại (trường hợp CCHN hết hạn sử dụng)/ cấp chuyên đổi/ điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III đối với cá nhân hoạt động xây dựng trong các lĩnh vực: Khảo sát xây dựng; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế xây dựng công trình; Giám sát thi công xây dựng; Kiểm định xây dựng; Định giá xây dựng.	Hoạt động xây dựng	hạn, cấp lại GPXD là 05 ngày.	88
12	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hạng II, hạng III (Trường hợp CCHN rách nát thất lạc) đối với cá nhân hoạt động xây dựng trong các lĩnh vực: Khảo sát xây dựng; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế xây dựng công trình; Giám sát thi công xây dựng; Kiểm định xây dựng; Định giá XD.	Hoạt động xây dựng	Thời gian quy định 15 ngày giảm còn 14 ngày	97
13	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C	Hoạt động xây dựng	Thời gian quy định 20 ngày giảm còn 19 ngày	101
14	Điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C	Hoạt động xây dựng	Thời gian quy định 20 ngày giảm còn 19 ngày	109
15	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	Quy hoạch - Kiến trúc	Thời gian quy định 15 ngày giảm còn 10 ngày	113
16	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	Quy hoạch - Kiến trúc	Thời gian quy định 25 ngày giảm còn 17 ngày	116
17	Cấp giấy phép quy hoạch dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh quản lý	Quy hoạch - Kiến trúc	Thời gian quy định 45 ngày giảm còn 30 ngày	119
18	Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản đối với dự án do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện quyết định việc đầu tư.	Kinh doanh bất động sản		124
19	Cấp mới chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản	Kinh doanh bất động sản		135
20	Cấp lại (cấp đổi) chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản:			
21	21.1 Do bị mất, bị rách, bị cháy, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng 21.2 Do hết hạn (hoặc gần hết hạn)	Kinh doanh bất động sản		139

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Ghi chú	Trang
22	Thu tục gia hạn sở hữu nhà ở tại Việt Nam cho cá nhân, tổ chức nước ngoài	Nhà ở		144
23	Thu tục thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua	Nhà ở		147
24	Chấp thuận chu trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh quy định tại Khoản 5 Điều 9 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	Nhà ở		150
25	Chấp thuận chu trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền UBND cấp tỉnh quy định tại Khoản 6 Điều 9 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	Nhà ở		158
26	Lựa chọn chu đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại quy định tại Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	Nhà ở		165
27	Thẩm định giá bán, thuê mua, thế nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng theo dự án bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên phạm vi địa bàn tỉnh.	Nhà ở		169
28	Thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của UBND cấp tỉnh	Nhà ở		172
29	Cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước	Nhà ở		176
30	Cho thuê nhà ở sinh viên thuộc sở hữu nhà nước	Nhà ở		189
31	Cho thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước	Nhà ở		199
32	Chấp thuận đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tái thiết khu đô thị; dự án bao tồn, tôn tạo khu đô thị; dự án cải tạo chỉnh trang khu đô thị; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	Phát triển đô thị		204
33	Điều chỉnh đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tái thiết khu đô thị; dự án bao tồn, tôn tạo khu đô thị; dự án cải tạo chỉnh trang khu đô thị; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	Phát triển đô thị		209
34	Chấp thuận đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình trong khu vực hạn chế phát triển hoặc nội đô lịch sử của đô thị đặc biệt	Phát triển đô thị		214
35	Lấy ý kiến đối với các dự án bao tồn, tôn tạo các công trình di tích cấp tỉnh	Phát triển đô thị		219